TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2018
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa anh Đ với chị Ch".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thế Đăng
- Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu
2. Ông Trần Anh Dũng

Thư ký Toà án bà Đoàn Thị Oanh - Cán bộ Tòa án ghi biên bản phiên toà.

Đại diện VKS tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Nghĩa - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Thân Văn Đ - sinh năm 1981
Nơi cư trú: thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh B. (có mặt)

2. Bị đơn: chị Phạm Thị Ch - sinh năm 1984
Nơi ĐKHK: thôn Q, xã Ng, huyện T, tỉnh B.
Tạm trú: ấp Suối Cao A, xã Phước Đ, huyện G, tỉnh T. (đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là anh Thân Văn Đ trình bày:

Anh và chị Ch kết hôn năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T, tỉnh B. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc. Đến tháng 9/2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nên chị Ch đã bỏ đi miền Nam từ tháng 9/2012, từ đó đến nay anh chị sống ly thân mà không quan

tâm nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Ch.

Về con chung: anh chị có hai con chung là Thân Thị Minh Th - sinh ngày 13/6/2006 và Thân Thị Minh Th - sinh ngày 17/10/2008. Hiện hai cháu đang ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai cháu mà không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Đ giữ nguyên yêu cầu.

Tại đơn đề nghị ngày 10/3/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 17/8/2018, bị đơn là chị Phạm Thị Ch trình bày:

Chị và anh Thân Văn Đ kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2008, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế dẫn đến thường xuyên gây gổ, lời qua tiếng lại, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến tháng 9/2012, chị bỏ vào miền Nam làm ăn, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, chị chỉ về thăm gia đình và các con 1 lần vào tháng 5/2012, giữa chị và anh Đ không liên lạc hay quan tâm gì nhau. Nay chị cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng, anh Đ xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: chị và anh Đ có hai con chung là Thân Thị Minh Th - sinh ngày 13/6/2006 và Thân Thị Minh Th - sinh ngày 17/10/2008. Hiện hai cháu đang ở với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi cả hai cháu mà không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý.

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác, công sức đóng góp: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khoảng cách xa, chi phí đi lại tốn kém nên chị đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt trong quá trình Toà án giải quyết cũng như xét xử vụ án.

Tại phiên toà: chị Ch vắng mặt.

Đại diện VKSND huyện T phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đều thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng: Anh Đ và chị Ch có đơn đề nghị Toà án nhân dân huyện Tân Yên giải quyết vụ án ly hôn theo

yêu cầu của anh Đ nên Toà án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Ch là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Ch kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Ng, huyện T nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian chung sống hạnh phúc. Đến năm 2008 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại. Tháng 9/2012, chị Ch đi miền Nam làm ăn sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian ly thân, anh chị không quan tâm nhau. Nay anh Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Ch và yêu cầu ly hôn, chị Ch cũng đồng ý, cũng đề nghị được ly hôn anh Đ. HĐXX thấy, mâu thuẫn giữa anh Đ và chị Ch đã trầm trọng, đời sống chung thực tế không còn tồn tại từ năm 2012 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đều đề nghị được ly hôn. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho anh Đ ly hôn chị Ch là phù hợp.

[3] Về con chung: anh chị có hai con chung là Thân Thị Minh Th- sinh ngày 13/6/2006 và Thân Thị Minh Th - sinh ngày 17/10/2008. Hiện hai cháu đang ở với anh Đ. Khi ly hôn, anh Đ yêu cầu được nuôi cả hai cháu mà không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng nuôi con thì chị đồng ý. Nguyện vọng của hai cháu là muốn ở với bố cũng phù hợp với yêu cầu của anh Đ và ý kiến của chị Ch. Do vậy giao cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, ruộng canh tác: anh Đ và chị Ch đều không đề nghị giải quyết nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: anh Đ thuộc diện hộ nghèo nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Thân Văn Đ được ly hôn chị Phạm Thị Ch.

2. Về con chung: Giao cho anh Thân Văn Đ tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là Thân Thị Minh Th - sinh ngày 13/6/2006 và Thân Thị Minh Th - sinh ngày 17/10/2008. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

Chị Phạm Thị Ch có quyền, nghĩa vụ thăm nom các con chung mà không ai được cản trở chị Ch thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn cho anh Thân Văn Đ.

Trả lại anh Thân Văn Đ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2017/0001892 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B ;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký